

Bản án số: 23/2019/DS-ST.

Ngày: 20/11/2019.

*“V/v: **Kiến tranh**
chấp hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 20/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2019/TLST-DS ngày 02/8/2019 về việc: “*Kiến tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST-DS ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện K, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 1982 và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

Bà S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N và anh N lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S trình bày: Vào ngày 15/6/2018, bà có cho chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N, cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh G vay số tiền là 50.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/7/2019 sẽ trả đủ cho bà; tiếp đến, ngày 10/10/2018, bà cho chị N, anh N vay tiếp số tiền là 115.000.000 đồng, hẹn đến ngày 16/10/2018 sẽ trả đủ cho bà số tiền của hai lần vay trên. Trong cả hai lần

vay tiền, chị N và anh N đều tự nguyện viết và ký giấy mượn tiền; giấy mượn tiền được giao lại cho bà giữ và hiện đã được bà nộp cho Tòa án làm chứng cứ.. Đến ngày hẹn trả nợ và nhiều ngày sau đó, bà đã trực tiếp gặp để yêu cầu chị N, anh N phải trả nợ cho bà nhưng anh chị không chịu trả mà cố tình trốn tránh không gặp mặt để trả nợ. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu chị N và anh N phải có trách nhiệm trả nợ với tổng số tiền là 165.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy CMND mang tên Phạm Thị Thu S (*bản sao*); 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Thân Quang D (*bản sao*); 01 Giấy mượn tiền (*bản chính*) ngày 10/10/2018 có nội dung *Nguyễn Văn Nông...vợ Lê Thị Thúy N..có mượn của cô Phạm Thị Thu S...số tiền 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) ...hẹn cô Phạm Thị Thu S đến ngày 16/10/2018 sẽ hoàn trả đủ số tiền trên*, cuối giấy có chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn N và Lê Thị Thúy N và 01 Giấy mượn tiền (*bản chính*) ngày 15/6/2018 (DL) có nội dung *Nguyễn Văn N, Lê Thị Thúy N..có mượn của bà Phạm Thị Thu S...số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ..cuối giấy có chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn N và Lê Thị Thúy N.*

Đối với bị đơn chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập chị N và anh N đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức. Do chị N, anh N thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh G; bà không thông báo địa chỉ mới của mình cho bà Sương và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do vụ án hai lần không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì chị N, anh N vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 23/10/2019 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Toà án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng chị N, anh N luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà Phạm Thị Thu S, sinh năm 1968, có địa chỉ tại: Thôn 2, xã N, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà Sương giao nộp là Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Thân Quang D (*bản sao*) và Giấy CMND mang tên Phạm Thị Thu S (*bản sao*).

Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 có địa chỉ tại: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh G, điều này được thể hiện qua chứng cứ là Phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu có xác nhận của Trưởng Công an xã Đông (*bản chính*).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S, buộc bị đơn chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N phải trả cho bà S tổng số tiền nợ là 165.000.000 đồng.

- Buộc chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí DSST là 8.250.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 4.125.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Phạm Thị Thu S cho chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N vay tiền là hợp đồng dân sự vay tài sản, thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Vì vậy, việc chị N, anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết ghi trong Giấy vay tiền, buộc bà S phải khởi kiện đòi nợ là có cơ sở và theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền đề ngày 10/10/2018 có nội dung “*Nguyễn Văn N...vợ Lê Thị Thúy N..có mượn của cô Phạm Thị Thu S...số tiền 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) ...hẹn cô Phạm Thị Thu S đến ngày 16/10/2018 sẽ hoàn trả đủ số tiền trên*”, cuối giấy có chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn Nông và Lê Thị Thúy N và Giấy mượn tiền đề ngày 15/6/2018 (DL) có nội dung “*Nguyễn Văn N, Lê Thị Thúy N..có mượn của bà Phạm Thị Thu S...số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)*” ..cuối giấy có chữ ký và chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn N và Lê Thị Thúy N

Như vậy, chứng cứ do bà S đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hoàn toàn phù hợp, thể hiện rõ việc chị N, anh N có vay của bà S hai lần với tổng số tiền là 165.000.000 đồng là có cơ sở. Đến thời điểm hiện nay, chị N và anh N chưa trả nợ cho bà S nhưng lại thường xuyên không có mặt tại địa chỉ cư trú và không thông báo địa chỉ mới cho bà S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền của bà S đối với chị N, anh N là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận, buộc chị N, anh N phải trả cho bà S tổng số tiền của hai lần vay là 165.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà S được chấp nhận toàn bộ nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị N và anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 165.000.000 đồng x 5% = 8.250.000 đồng.

[4]. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Phạm Thị Thu S phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.044.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí bà đã nộp là 3.044.000 đồng theo Phiếu thu ngày 07/8/2019 của TAND huyện KBang, tỉnh Gia Lai. Bà Sương đã nộp đủ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu S, buộc bị đơn chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N phải trả cho bà S tổng số tiền nợ là 165.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Sương có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi chị N, anh N thi hành xong khoản tiền nợ nói trên thì hàng tháng chị N, anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003130 ngày 30/7/2019 của Chi cục THADS huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà S có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; thời hạn trên đối với bị đơn chị Năm và anh Nông vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương